TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-12-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đoan;

Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2025), giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị N, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn B, xã T2, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn B, xã T2, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nông Thị N trình bày:

Chị N và anh B tự nguyện kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã T2, huyện T1 (nay là xã T2), thành phố Hải Phòng ngày 11/11/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 06 tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; một phần do anh B ham chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị N yêu cầu được ly hôn anh B. Chị và

anh B không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng, yêu cầu anh B giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và triệu tập anh B đến làm việc nhưng anh B không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện: Chị N và anh B có đăng ký kết hôn tại Uỷ Bn nhân dân xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng (nay là xã Tiên Minh) theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, anh chị hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh chị không có con chung và tài sản chung; anh B có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T2, thành phố Hải Phòng, tuy nhiên, anh B thường đi làm xa nên thi thoảng mới về nhà.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt các đương sự và các hoạt động tố tụng khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành N, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; căn cứ 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ Bn thường vụ Quốc hội; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Nông Thị N được ly hôn anh Trần Văn B; anh chị không có con chung; không có tài sản chung, không ai yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Văn B, hiện đang cư trú tại thôn

B, xã T2, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành N, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ Bn thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh B) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho anh B; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, tạo điều kiện cho anh B thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh B không có mặt theo giấy triệu tập, không giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là tự tự mình từ bỏ các quyền và không chấp hành các nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên toà, nguyên đơn (chị N) vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn (anh B) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị N và anh Trần Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng (nay là xã Tiên Minh), thành phố Hải Phòng vào ngày 11/11/2022 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị N xin ly hôn anh B; anh B không có quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Xét thấy, lời khai của chị N, phù hợp với kết quả xác minh tại gia đình và địa phương, sự phù hợp đó thể hiện: Trong quá trình chung sống, anh chị chung sống hoà thuận được thời gian ngắn (khoảng 06 tháng đầu) thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm; một phần do anh B ham chơi, không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ cuối năm 2024 đến nay. Do đó, có đủ cơ sở xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị không có con chung.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh B có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành N, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ Bn thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị N được ly hôn anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu 300.000 (B trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 (B trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002857, ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Như vậy, chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 7 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Tiên Minh;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang